

CHÍNH PHỦ
Số: 11/1999/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 1999

NGHỊ ĐỊNH

Về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện;
hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này công bố Danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện; quy định việc quản lý nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc các danh mục này.

2. Thương nhân hoạt động kinh doanh thương mại phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này về hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện.

Điều 2. Danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh và Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện

1. Ban hành kèm theo Nghị định này các danh mục sau :

Danh mục 1 : Hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện.

Danh mục 2 : Hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh.

Danh mục 3 : Hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện.

2. Căn cứ tình hình sản xuất, kinh doanh và yêu cầu về quản lý hoạt động thương mại từng thời kỳ, Bộ Thương mại chủ trì với sự phối hợp của các Bộ quản lý ngành có liên quan, trình Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung các danh mục quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Các Bộ quản lý ngành căn cứ yêu cầu quản lý và các danh mục nêu tại khoản 1 Điều này lập danh mục chi tiết hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thống nhất với Bộ Thương mại để Bộ Thương mại tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Trong trường hợp cần thiết phải sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết nêu tại khoản 3 Điều này, Bộ quản lý chuyên ngành có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Thương mại trong tháng 11 hàng năm để Bộ Thương mại tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Chương 2

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA CẤM LƯU THÔNG, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤM THỰC HIỆN; HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẠN CHẾ KINH DOANH, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 3. Đối với hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện

1. Nghiêm cấm thương nhân Việt Nam, thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện.

2. Trong các trường hợp đặc biệt, việc cung ứng các mặt hàng cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Đối với hàng hóa, dịch vụ thương mại hạn chế kinh doanh

1. Việc kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc loại đặc biệt hạn chế kinh doanh chỉ được thực hiện khi có Giấy phép kinh doanh do Bộ quản lý ngành cấp

theo các quy định của Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Thương mại quy định các điều kiện kinh doanh và việc cấp Giấy phép kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc loại hạn chế kinh doanh tại mục II Danh mục 2 theo quy định của Nghị định này.

Điều 5. Đối với hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc mục I Danh mục 3, thương nhân chỉ được tiến hành hoạt động kinh doanh khi đã đăng ký kinh doanh và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc mục II Danh mục 3, thương nhân được hoạt động kinh doanh sau khi đăng ký kinh doanh và có đủ các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định này, không bắt buộc phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 6. Điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện

1. Các điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại thuộc Danh mục hàng hóa dịch vụ thương mại kinh doanh có điều kiện (Danh mục 3) :

a) Phải là thương nhân;

b) Có cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị theo đúng tiêu chuẩn do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Có cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề kinh doanh;

d) Cán bộ, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải đảm bảo quy định về sức khỏe;

e) Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

2. Các điều kiện áp dụng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ thương mại cụ thể kinh doanh có điều kiện được quy định tại Danh mục 2 và Danh mục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành quy định chi tiết các điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ quy định tại Danh mục 2 và Danh mục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.